

On behalf of:



Federal Ministry for the Environment, Nature Conservation, Building and Nuclear Safety

of the Federal Republic of Germany



Xuất bản bởi:



Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH THÍCH ỨNG DỰA VÀO HỆ SINH THÁI TẠI TỈNH HÀ TĨNH VÀ QUẢNG BÌNH

Tại sao cần Giám sát và Đánh giá?

Nhu cầu thích ứng và ứng phó với các điều kiện khí hậu thay đổi toàn cầu, đặc biệt là tại các nước đang phát triển trở thành một vấn đề cấp bách trong những năm qua. Trong bối cảnh này, các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu làm tăng khả năng chống chịu đối với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đang ngày càng trở nên quan trọng. Thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EbA) là một chiến lược mới để thích ứng biến đổi khí hậu thành công và bền vững. Khái niệm này đã được Công ước Đa dạng sinh học (CBD) định nghĩa là “sử dụng đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái như một phần của chiến lược thích ứng tổng thể nhằm giúp con người thích ứng với những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá (GS&ĐG) các hoạt động thích ứng một cách hiệu quả là rất cần thiết cho việc thiết lập các bằng chứng vững mạnh, toàn cầu đối với các giải pháp EbA và để đánh giá một cách rộng rãi, đa dạng các hoạt động can thiệp đã được thực hiện. Ở cấp toàn cầu, giám sát và đánh giá là một công cụ để xác định và tài liệu hóa các dự án và cách tiếp cận thành công cũng như theo dõi việc đạt được các chỉ tiêu chung. Ở cấp dự án, mục đích là theo dõi việc thực hiện và sản phẩm đầu ra một cách hệ thống, và đo lường tính hiệu quả của dự án đồng thời nâng cao hiểu biết về những yếu tố cản trở EbA. Bằng cách này, GS&ĐG cũng có thể hạn chế các vấn đề khi triển khai EbA trong tương lai (như thích ứng không phù hợp). Phương pháp tiếp cận GS&ĐG được xây dựng cho các hoạt động thí điểm của dự án ‘Lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam’ tại tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Phương pháp này được trình bày chi tiết trong tài liệu này.

Phương pháp luận

Phương pháp luận được sử dụng trong dự án ‘Lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam’ dựa trên các khuyến nghị được đưa ra trong bản đề xuất ý tưởng do dự án chuẩn bị về chủ đề này. Đề xuất ý tưởng sử dụng tài liệu hướng dẫn ‘Đánh giá thực hiện các giải pháp thích ứng’ của GIZ (2013). Trong cuốn này, GIZ khuyến nghị phương pháp tiếp cận 5 bước để giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng. Khi áp dụng phương pháp này trong bối cảnh EbA, cần có những hiểu biết cơ bản là kinh tế, xã hội và các hệ sinh thái có mối liên hệ mật thiết với nhau, vì vậy những tác động của BĐKH lên môi trường, kinh tế và xã hội cần được xem xét kỹ khi thực hiện từng bước trong mô hình này.



Mô hình 5 bước của GIZ (2013)

Trong thực tiễn

Bước 1: Đánh giá bối cảnh thích ứng. Quy trình chuẩn cho việc đánh giá bối cảnh EbA là đánh giá tính dễ bị tổn thương. Công cụ này được sử dụng để đo lường tính dễ bị tổn thương và khả năng phục hồi của một hệ sinh thái cụ thể (cũng như các dịch vụ của hệ sinh thái đó), và tính dễ bị tổn thương, khả năng phục hồi và năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư. Đây là cơ sở để đưa ra các phương án và rào cản cho các biện pháp EbA. Trong khuôn khổ Dự án 'Lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam', nghiên cứu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với các hệ sinh thái xã hội (VASES) đã được thực hiện tại tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Ở đây, các hệ thống gắn kết chặt chẽ đã được xác định dựa vào các yếu tố sinh thái, kinh tế và xã hội. Theo đó, những hiểu biết được mô tả ở trên về xã hội, kinh tế và sinh thái với sự gắn kết chặt chẽ đã được công nhận. Tính dễ bị tổn thương với BĐKH ở cả ba mức độ đã được xem xét; dựa vào những đặc điểm trên, có thể xếp hạng các hệ thống sinh thái xã hội cũng như các cơ chế ứng phó cả về tầm quan trọng nhất và tính dễ bị tổn thương nhất trong tỉnh. Ngoài ra, đánh giá nhanh về tình trạng dễ bị tổn thương cũng được thực hiện để xác định khu vực thí điểm và các biện pháp cho hai tỉnh. Các đánh giá nhanh này được kết hợp với các kết quả của cách tiếp cận VASES.

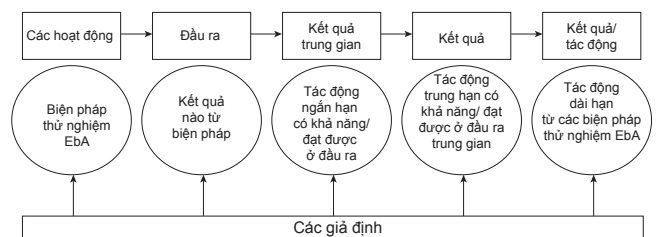
Bước 2: Xác định các đóng góp cho thích ứng. Để xác định mức độ đóng góp của một giải pháp cho thích ứng, tài liệu "Đánh giá thực hiện các giải pháp thích ứng" đề xuất xem xét ba khía cạnh: *tăng cường năng lực thích ứng; đo lường việc giảm thiểu rủi ro/ tính dễ bị tổn thương đã được xác định và phát triển thành công mặc dù BĐKH (phát triển bền vững)*. Do các đóng góp cho thích ứng đã được xác định khá đầy đủ trong đánh giá nhanh về tình trạng dễ bị tổn thương, nên việc xây dựng thêm bảng ở đây là không bắt buộc. Đối với Hà Tĩnh, bảng minh họa các biện pháp chung sau đây đã được xây dựng: *Cung cấp các hoạt động tăng cường năng lực trong các biện pháp thí điểm EbA - giải quyết vấn đề hạn hán;*

Tăng cường khả năng tự nhiên của các hệ sinh thái trên cạn để thích ứng với tình trạng thiếu nước;

Phát triển các hệ sinh thái khỏe mạnh có khả năng chống chịu với các điều kiện khí hậu đang thay đổi (các phần khác nhau của các hệ sinh thái trên cạn có khả năng phục hồi tốt hơn với hạn hán);

Các hoạt động thí điểm phù hợp với định hướng của chính quyền địa phương về sử dụng đất (duy trì rừng tự nhiên thay vì trồng độc canh cây keo), và tăng cường sự cam kết của người dân (người dân quan tâm đến việc bảo vệ rừng tự nhiên vì họ hiểu được giá trị mà rừng mang lại thông qua thí điểm).

Bước 3: Xây dựng khung kết quả. Bước 3: Xây dựng khung kết quả. Đối với khung kết quả, đề xuất ý tưởng đã đề xuất một cấu trúc được trình bày như dưới đây. Tuy nhiên, EbA đòi hỏi quá trình thích ứng, linh hoạt và lặp lại nhằm ngăn ngừa các thích ứng không phù hợp. Do tính phức tạp và năng động của các giải pháp EbA, khung kết quả cần được tiếp tục nghiên cứu cùng phương pháp luận Học thuyết Thay đổi để xây dựng đầu ra, kết quả và tác động. Mô hình này cho phép đánh giá lại giữa kỳ dựa trên giám sát, đây là yếu tố cốt lõi trong mọi dự án thích ứng, do điều kiện và bối cảnh dẫn đến kết quả và hoạt động có thể thay đổi trong quá trình thực hiện. Ví dụ về Học thuyết Thay đổi được trình bày tại Phụ lục I của Tài liệu này.



Khung kết quả được đề xuất trong bản ý tưởng

Bước 4: Xác định các chỉ số và xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu.

Dựa trên khung kết quả, các chỉ số được xác định cho các kết quả đầu ra ngắn hạn, kết quả trung hạn và tác động trong dài hạn. Ở đây, cần phải bao gồm cả chỉ số định tính và định lượng, và việc xác định các chỉ số này phải theo tiêu chí 'SMART' (Cụ thể, Có thể đo lường, Có thể đạt được, Có liên quan và Có khung thời gian). Điều này có thể đạt được bằng cách: trước hết, xác định chủ đề (được lấy ra từ khung kết quả đã được xây dựng); thứ hai, là cụ thể hóa định lượng thay đổi; thứ ba, là xác định chất lượng thay đổi; thứ tư, là xác định khuôn khổ thời gian; thứ 5, là cụ thể hóa việc phân tích (như theo giới, tham chiếu địa lý) nếu phù hợp; và cuối cùng, kết hợp cả 5 bước trên vào một chỉ số cụ thể với đối tượng cho các khuôn khổ thời gian ngắn, trung và dài hạn. Quy trình này được lặp lại cho mỗi chủ đề được xác định trong khung kết quả. Việc định nghĩa các chỉ số là rất quan trọng cho quá trình GS&ĐG và do đó cần được thực hiện rất kỹ lưỡng. Một ví dụ về bảng chỉ số cho tỉnh Quảng Bình được trình bày trong Phụ lục II.

Cơ sở dữ liệu được thu thập trên cơ sở phối hợp giữa Sở TN&MT và cán bộ dự án GIZ trong giai đoạn đầu của quá trình triển khai thí điểm.

Bước 5: Vận hành Hệ thống giám sát dựa vào kết quả. Để hệ thống GS&ĐG vận hành có hiệu quả, điều quan trọng là phải giám sát quá trình thay đổi một cách hệ thống. Để làm được điều này, cần xác định nhu cầu dữ liệu, nguồn dữ liệu, phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp phân tích dữ liệu và trách nhiệm. Ví dụ về một bảng chỉ số các hoạt động của tỉnh Quảng Bình được trình bày tại Phụ lục III. Ngoài việc tổng hợp các chỉ tiêu nói trên, kế hoạch GS&ĐG cho đối tác tại các cấp khác nhau cũng như đào tạo cho cán bộ của họ cần được xây dựng để đảm bảo sự bền vững của các giải pháp thí điểm và tác động của chúng khi dự án kết thúc. Theo đó, sổ tay hướng dẫn thực hiện và sử dụng các biểu mẫu GS&ĐG cho tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình đã được xây dựng. Tuy nhiên, vẫn cần có các khóa đào tạo thực tiễn về thực hiện GS&ĐG cho đối tác.

Các thách thức và khuyến nghị

Có nhiều thách thức phát sinh khi vận hành hệ thống giám sát: thứ nhất, EbA thường liên quan đến việc thay đổi nhận thức cũng như khả năng hiểu biết của người dân. Chỉ có thể đo lường được yếu tố này ở mức độ hạn chế, do việc đánh giá chỉ được thực hiện thông qua phỏng vấn và quan sát định tính, nhưng cũng chỉ thể hiện được hiểu biết thực tế của người dân về các chủ đề liên quan đến EbA (hoặc sự không hiểu biết) ở một mức độ nhất định. Thứ hai, các biện pháp EbA thường chỉ được chứng minh hiệu quả sau nhiều năm, và thông thường trong một khoảng thời gian nằm ngoài phạm vi dự án. Điều này cũng đúng với các biện pháp thí điểm tại tỉnh Quảng Bình. Do đó, điều quan trọng là phải chuẩn bị kỹ lưỡng các chỉ số được mô tả, và để đảm bảo bàn giao kịp thời và toàn bộ cho các bên tham gia, những người có thể theo dõi các hoạt động trong khoảng thời gian dài hơn cũng như phân tích kết quả GS&ĐG (xem bước 5). Trong trường hợp dự án 'Lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam', nhiệm vụ này sẽ được thực hiện bởi Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT).

Thêm vào đó, những thay đổi ngoài mong muốn và những sai lệch so với kế hoạch là bình thường và không thể tránh khỏi khi triển khai một biện pháp tiếp cận phức tạp như thích ứng dựa vào hệ sinh thái, trong đó các yếu tố của tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu của tự nhiên, kinh tế và xã hội cần phải được xem xét. Điểm này đã được cân nhắc trong quá trình xây dựng khung kết quả theo Lý thuyết Thay đổi (bước 3) cho phép thay đổi các kết quả, đầu ra và

tác động trong kế hoạch. Ở đây, vấn đề cốt lõi là cởi mở và chú ý đến những thay đổi cũng như hiểu được căn nguyên của các thay đổi đó. Trong trường hợp diễn biến không đúng như kỳ vọng, các câu hỏi sau đây cần phải được lưu ý:

- Kết quả khác là gì? Nó tốt hơn hay tệ hơn, hay chỉ là khác với những gì đã được lên kế hoạch và kỳ vọng?
- Điều gì đã tạo ra những kết quả khác như vậy? Khung kết quả thường sử dụng mọi giả định cụ thể. Như đã nêu trên, những giả định này có khả năng bị sai, hoặc không đầy đủ các yếu tố. Ngoài ra, có những thay đổi ngoại cảnh khác có thể diễn ra không theo kế hoạch.
- Liệu những thay đổi tích cực (hoặc tiêu cực) là do công việc/dự án, hay là do một yếu tố hoặc các nhân tố khác, và dự án thực sự không dẫn đến thay đổi này? Điểm này có thể rất khó để chứng minh, lý tưởng là cần triển khai khảo sát và phỏng vấn với một cộng đồng đối chứng không nhận được sự hỗ trợ của dự án, nhằm tạo ra dữ liệu so sánh. Tuy nhiên, việc này tốn rất nhiều thời gian. Việc hỏi ý kiến của cộng đồng người dân thuộc dự án về các yếu tố và nhân tố khác nhau (có liên quan hoặc không liên quan tới dự án) ảnh hưởng đến tình hình của họ như thế nào kể từ khi dự án khởi động thường sẽ đơn giản hơn (Đại học Oxford, 2014).

Nhìn chung, việc xây dựng hướng dẫn GS&ĐG cụ thể cho triển khai EbA thực tế dựa trên các khuôn khổ GS&ĐG hiện tại cho các bên thực hiện là cần thiết. Sổ tay hướng dẫn triển khai GS&ĐG cho EbA được xây dựng trong dự án EbA đóng góp cho việc lấp khoảng trống này. Ở cấp độ Quốc gia, cần phải đưa GS&ĐG của EbA vào khung pháp lý và liên kết nó với các ý tưởng GS&ĐG khác như một phần của hướng dẫn cụ thể quốc gia như Kế Hoạch Thích ứng Quốc Gia Việt Nam.

Nguồn

CBD Công ước Đa dạng Sinh học. (2009). Kết nối đa dạng sinh học, Thích ứng và Giảm nhẹ BĐKH: Báo cáo lần thứ hai của nhóm chuyên gia kỹ thuật về đa dạng sinh học và BĐKH. Ấn phẩm kỹ thuật CBD số 41. Montreal: Ban Thư ký Công ước Đa dạng Sinh học.

GIZ Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức. (2013). Đánh giá thực hiện các giải pháp thích ứng - Sách hướng dẫn thiết kế và giám sát dựa trên kết quả của các dự án thích ứng BĐKH (xuất bản lần 2). Bonn và Eschborn: Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit.

Đại học Oxford. (2014). Hướng dẫn từng bước GS&ĐG. Oxford.

<http://www.geog.ox.ac.uk/research/technologies/projects/mesc/guide-to-monitoring-and-evaluation-v1-march2014.pdf>

Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ
Dự án lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam

Phòng 031, tầng 3, tòa nhà Coco

14 Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam

T: +84 (024) 32 37 31 10

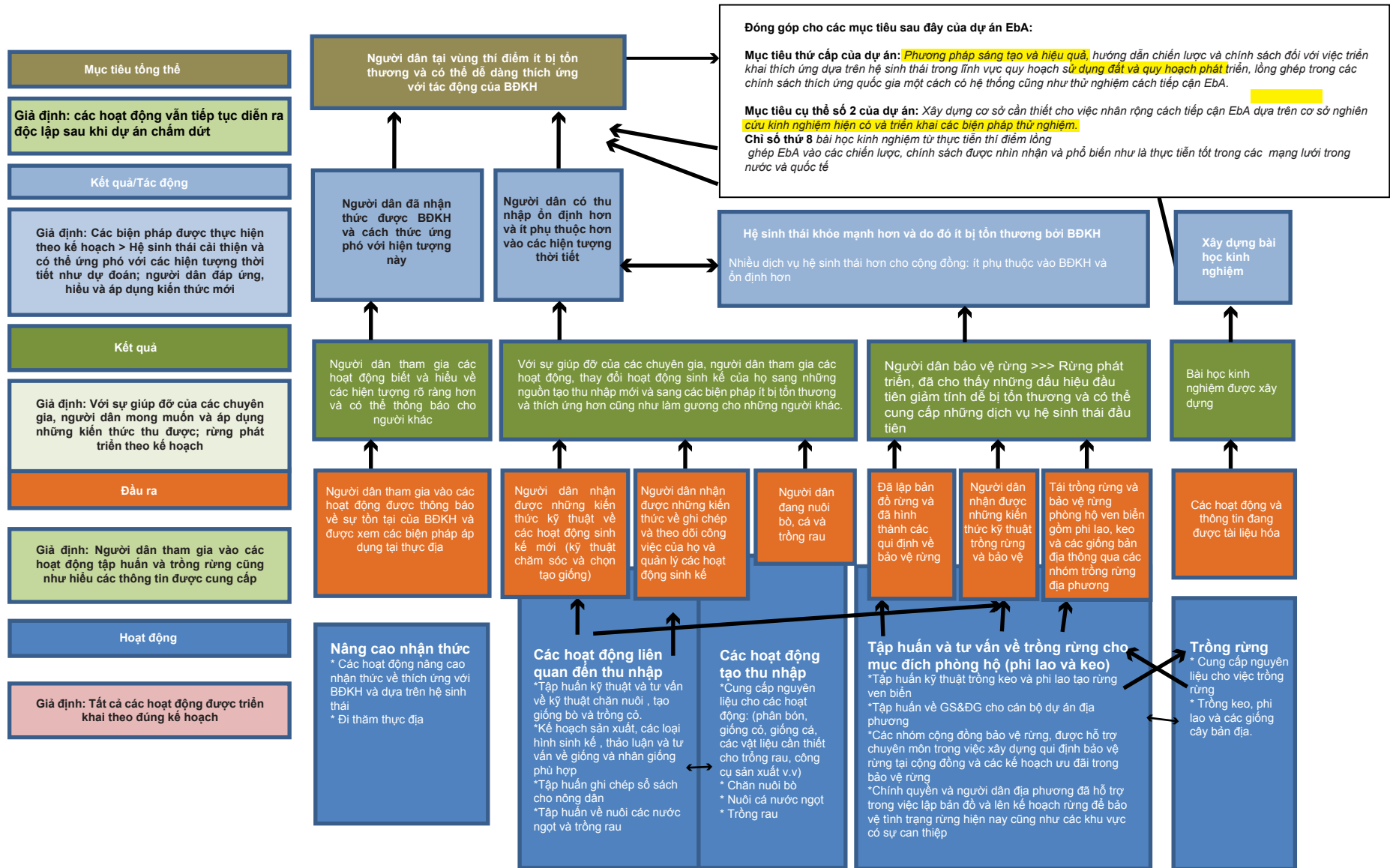
E: office.eba@giz.de

I: www.giz.de/viet-nam

www.climatechange.vn

Phụ lục I

Khung kết quả của tỉnh Quảng Bình, dựa trên mô hình Học thuyết Thay đổi. Một mô hình tương tự đã được xây dựng cho tỉnh Hà Tĩnh, nhưng các hoạt động được phân thành một thay vì hai nhóm đào tạo và tư vấn, ngoài ra còn có các nhóm *nâng cao nhận thức, cung cấp nguyên liệu và thực hiện tại hiện trường*.



Annex II

Xác định các chỉ số cho chủ đề *các hoạt động tạo thu nhập* tại tỉnh Quảng Bình.

Các bước	Chỉ tiêu quy trình	Chỉ tiêu kết quả	Chỉ tiêu tác động
1. Xác định chủ đề	Các hoạt động tạo thu nhập	Các hoạt động tạo thu nhập	Người dân có thu nhập ổn định hơn, ít phụ thuộc hơn vào các hiện tượng thời tiết
2. Định lượng hóa cụ thể thay đổi	Tổng số 10 con bò giống và 2.800 kg cỏ giống được trồng trên diện tích 400-500m ² , cho 10 hộ gia đình Trung bình, mỗi hộ có 3.400 con cá cho 10 hộ Tổng số 12 kg rau giống (bao gồm 7 loại rau khác nhau), 3.000m ² lưới để giảm tác động của nắng nóng và mưa và 500 kg phân vi sinh, cho 10 hộ	10% hộ gia đình	35% hộ gia đình
3. Định tính cụ thể thay đổi	Giới thiệu và bắt đầu áp dụng các hoạt động sinh kế mới	Làm việc với các hoạt động sinh kế mới, và bước đầu tăng thu nhập	Tăng thu nhập và thu nhập bền vững và đáng tin cậy
4. Xác định khung thời gian	12.2016 - 1.2017 (2 tháng)	2016 - 2018 (2 năm)	2016 - 2024 (8 năm)
5. Nếu có thể, cụ thể hóa sự khác nhau (như theo giới, tham chiếu địa lý)	Nam giới và phụ nữ tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch, những người được lựa chọn triển khai thí điểm	Nam giới và phụ nữ tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch	Nam giới và phụ nữ tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch
Kết hợp 5 bước vào 1 chỉ số (cụ thể với đối tượng)	Trong vòng hai tháng (12.2016 - 1.2017), tổng số 10 con bò giống và 2.800 kg cỏ giống được trồng trên diện tích 400-500m ² ; 34.000 con cá; 12 kg rau giống (bao gồm 7 loại rau khác nhau); 3000 m ² lưới để giảm tác động của nắng nóng và mưa và 500 kg phân vi sinh đã được cung cấp cho 30 hộ dân tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch, gồm cả nam giới và phụ nữ. Các hoạt động sinh kế mới đã bắt đầu được triển khai.	10% hộ dân tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch (cả nam giới và phụ nữ) đã bắt đầu triển khai các hoạt động sinh kế mới và bước đầu đã tăng thu nhập trong hai năm đầu tiên.	35% hộ gia đình tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch (nam giới và phụ nữ) đã tăng và ổn định thu nhập thông qua các hoạt động sinh kế mới trong vòng 8 năm (2016 - 2024).

Phụ lục III

Ví dụ về bảng chỉ số hoạt động cho một quá trình (ngắn hạn) tại tỉnh Quảng Bình.

Chỉ số	Nhu cầu dữ liệu (bạn dự định định lượng chỉ số như thế nào?)	Nguồn dữ liệu (lấy dữ liệu từ đâu?)	Phương pháp thu thập dữ liệu (sử dụng phương pháp nào, tần suất ra sao?)	Phương pháp phân tích dữ liệu (dữ liệu được phân tích như thế nào?)	Trách nhiệm (ai sẽ chịu trách nhiệm về thu thập, phân tích và lưu trữ dữ liệu?)	Chi phí (chi phí dự tính như thế nào?)
13 lớp tập huấn về biến đổi khí hậu và ứng phó với BĐKH đã được thực hiện cho tổng số 650 người tham gia tại thôn Hòa Bình, huyện Quảng Trạch và 4 xã khác của tỉnh Quảng Bình trong vòng một năm (2016 - 2017). Đối với thôn Hòa Bình, nam giới và phụ nữ được tập huấn bình đẳng như nhau. Đối với 4 xã khác, hội viên hội phụ nữ, đoàn thanh niên và hội nông dân được ưu tiên tập huấn.	<ul style="list-style-type: none">- số lớp tập huấn đã được thực hiện- số người tham dự tập huấn- số xã đã có tập huấn- phân bố người tham gia theo giới tính (số tuyệt đối hoặc phần trăm) cho các đợt đào tạo	<ul style="list-style-type: none">- dữ liệu sơ cấp (thu thập tại hiện trường)- dữ liệu thứ cấp (báo cáo dự án, báo cáo tập huấn)	<ul style="list-style-type: none">- phỏng vấn- tham khảo tài liệu- một lần vào cuối năm 2017	Trình bày bằng văn bản và số tuyệt đối và minh họa (bảng biểu đồ) về sự phân bố	<ul style="list-style-type: none">- huyện và xã thu thập dữ liệu- Sở TN&MT chịu trách nhiệm phân tích, lưu trữ và báo cáo	Phần này cần được điền bởi đơn vị theo dõi.